

CẬP NHẬT TÌNH HÌNH KINH TẾ ĐÔNG Á - THÁI BÌNH DƯƠNG  
THÁNG 04/2024

# NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CHO TĂNG TRƯỞNG



WORLD BANK GROUP



## Tóm lược

Các nền kinh tế đang phát triển khu vực Đông Á và Thái Bình Dương (ĐÁ-TBD) đang tăng trưởng tốt hơn so với các quốc gia khác trên thế giới, nhưng yếu hơn so với trước đại dịch. Mặc dù thương mại toàn cầu đang phục hồi và điều kiện huy động tài chính được nói lỏng dự kiến sẽ hỗ trợ các nền kinh tế trong khu vực, nhưng nợ gia tăng, chủ nghĩa bảo hộ bên cạnh tình trạng bất định về chính sách có thể ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng.

Tăng trưởng trong khu vực được dự báo sẽ chứng lại còn 4,5% trong năm 2024 so với 5,1% năm trước. Tăng trưởng tại các nền kinh tế đang phát triển khu vực (ĐÁ-TBD), trừ Trung Quốc, được dự báo sẽ nhích lên 4,6% trong năm nay, so với 4,4% trong năm 2023. Tăng trưởng ở Trung Quốc được dự báo sẽ chứng lại còn 4,5% trong năm nay, so với 5,2% trong năm 2023 do những vấn đề trong ngắn hạn, chẳng hạn nợ cao và lĩnh vực bất động sản đang yếu, bên cạnh những thách thức dài hạn hơn, như dân số già hóa và những va chạm về thương mại. Tăng trưởng ở các quốc đảo Thái Bình Dương được dự báo sẽ giảm còn 3,6% trong năm 2024 so với 5,6% năm trước, do đà phục hồi sau đại dịch đang yếu đi.

Những thách thức về kinh tế vĩ mô hiện nay ở khu vực ĐÁ-TBD đang dẫn đến rủi ro sẽ làm yếu đi nền tảng kinh tế vĩ mô để đảm bảo tăng trưởng trong dài hạn. Trong thập kỷ qua, tăng trưởng chủ yếu nhờ vào đầu tư hơn là tăng năng suất ở các doanh nghiệp. Đầu tư tư nhân hiện đang yếu còn năng suất đang suy giảm – càng làm suy yếu động lực đầu tư. Các doanh nghiệp đóng vai trò chính trong tăng trưởng năng suất. Một vài doanh nghiệp có năng suất yếu ở các quốc gia ĐÁ-TBD đang bắt đầu đuổi kịp các doanh nghiệp có năng suất cao hơn. Nhưng những doanh nghiệp có năng suất cao nhất trong khu vực lại chưa tận dụng đầy đủ lợi thế của công nghệ mới và chưa bắt nhịp được với tốc độ tăng trưởng năng suất ở các doanh nghiệp đa quốc gia đầu đàn. Chẳng hạn, trong các lĩnh vực chế tạo chế biến công nghệ số, như điện tử, năng suất của 5% doanh nghiệp đa quốc gia hàng đầu tăng cao hơn hai lần rưỡi so với các doanh nghiệp hàng đầu của In-đô-nê-xia, Ma-lay-xia, Phi-líp-pin và Việt Nam trong giai đoạn từ 2005 đến 2015.

Vấn đề nằm ở cả năng lực và động lực. Động lực cạnh tranh và đổi mới của các doanh nghiệp suy giảm do chủ nghĩa bảo hộ rộ rệt trong các lĩnh vực dịch vụ và ngàm định trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng hóa. Năng lực quản lý và đổi mới sáng tạo bị cản trở do thiếu kỹ năng. Vận dụng các chính sách công nghiệp để cải thiện về năng lực và động lực cũng khó do hạn chế về năng lực thể chế cũng như nguồn lực tài khóa. Ngược lại, để đem lại sức sống cho nền kinh tế trong khu vực là phải có hành động chính sách mạnh dạn nhằm tạo cơ chế thúc đẩy cạnh tranh, cải thiện hạ tầng và cải cách giáo dục.

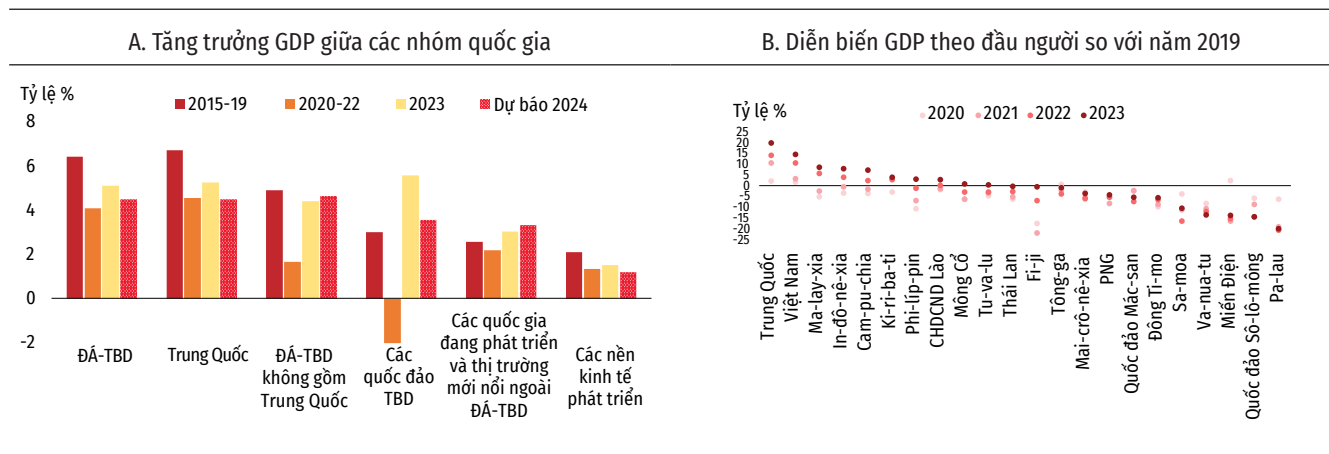
## Tổng quan

### ► Tăng trưởng

Hầu hết các nền kinh tế đang phát triển khu vực (ĐÁ-TBD), nếu không tính một số quốc đảo Thái Bình Dương, đều đạt tăng trưởng cao hơn so với các nền kinh tế khác trên thế giới (Hình O1A; Bảng O1), nhưng chưa được bằng so với trước đại dịch.

- Tăng trưởng của Trung Quốc dự báo sẽ chững lại còn 4,5% trong năm 2024, từ mức 5,2% trong năm 2023, do đà phục hồi kể từ khi mở cửa lại nền kinh tế đang yếu đi, và những vấn đề sạt sườn, như nợ gia tăng, yếu kém trong lĩnh vực bất động sản, cũng như những yếu tố cơ cấu dài hạn khác như dân số già hóa và va chạm thương mại, đang ảnh hưởng đến tăng trưởng.
- Các quốc gia còn lại trong khu vực ĐÁ-TBD vốn đã gặp khó khăn trong năm 2023 do tăng trưởng thương mại chững lại và điều kiện huy động tài chính bị thắt chặt, dự kiến sẽ đạt tốc độ tăng trưởng 4,6% trong năm 2024. Thương mại hàng hóa toàn cầu dự kiến phục hồi và điều kiện huy động tài chính toàn cầu dần được nới lỏng dự kiến sẽ bù lại tác động tăng trưởng chậm lại ở Trung Quốc.
- Các quốc đảo Thái Bình Dương dự kiến đạt tăng trưởng thấp hơn, ở mức 3,6% trong năm 2024 vì đà phục hồi hậu COVID-19 đang yếu đi, đồng thời khu vực này đang hướng tới xu hướng tăng trưởng dài hạn được dự báo ở mức 2,6%. Mặc dù sản lượng trên đầu người đã vượt các mức trước đại dịch ở hầu hết các nền kinh tế lớn hơn trong khu vực ĐÁ-TBD, nhưng Miến Điện, Pa-pua Niu Ghi-nê, Đông Ti-mo và một số quốc đảo Thái Bình Dương vẫn đang phải nỗ lực để quay lại với kết quả trước đại dịch (Hình O1B).

**Hình O1.** Khu vực ĐÁ-TBD đang tăng trưởng cao hơn các nước khác trên thế giới, nhưng chưa bằng so với mức trước đại dịch ở hầu hết các nền kinh tế lớn; sản lượng theo đầu người vẫn thấp hơn mức trước đại dịch ở các quốc đảo Thái Bình Dương và tiếp tục suy giảm ở một số quốc gia.



Nguồn: Cơ sở dữ liệu Triển vọng Kinh tế Thế giới; Liên hiệp quốc, ước tính của cán bộ Ngân hàng Thế giới

### ► Các yếu tố quyết định

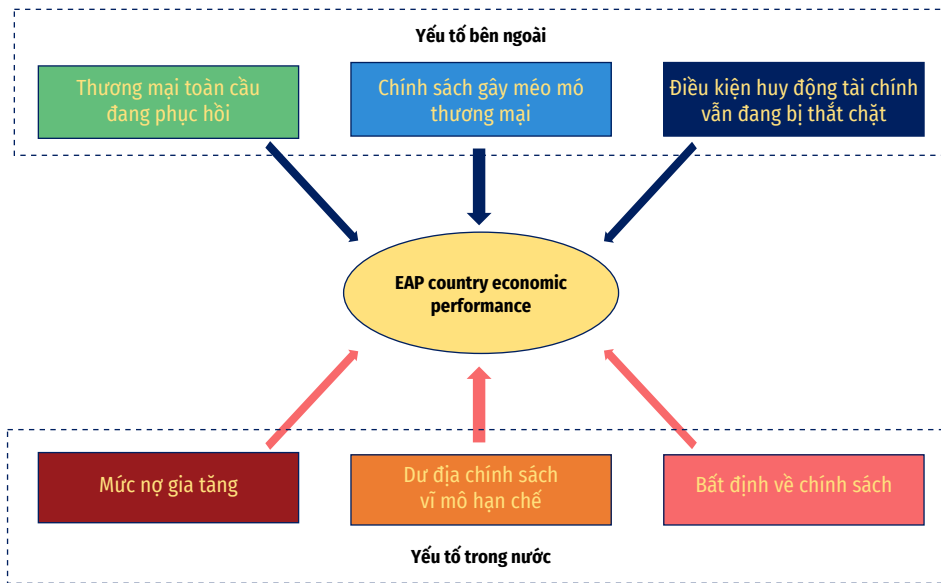
Kết quả kinh tế trong khu vực được định hình qua những diễn biến trong nước và bên ngoài (Hình O2). Các yếu tố bên ngoài chủ yếu là thương mại đang phục hồi nhưng chủ nghĩa bảo hộ đang gia tăng kết hợp với chính sách công nghiệp, và điều kiện huy động tài chính vẫn đang bị thắt chặt. Về yếu tố trong nước, quan trọng nhất là nợ công và nợ khu vực tư nhân đang gia tăng, định hướng chính sách bị hạn chế, đặc biệt là chính sách tài khóa và tiền tệ; đồng thời, bất định về chính sách và chính trị đang gia tăng.

### Yếu tố bên ngoài

Trước hết, thương mại toàn cầu đang phục hồi mặc dù tăng trưởng GDP toàn cầu đang chững lại. Thương mại hàng hóa và dịch vụ chỉ tăng 0,2% trong năm 2023 nhưng dự báo sẽ tăng 4,3% trong năm 2024 – mặc dù tăng trưởng GDP sẽ giảm nhẹ từ 2,6% trong năm 2023 xuống 2,4% trong năm 2024 (Hình 03). Thương mại phục hồi theo dự báo sẽ góp phần cải thiện thu nhập thực, vì lương sẽ tăng cao hơn lạm phát, đồng thời nhu cầu đang chuyển dịch quay lại theo hướng giao thương hàng hóa nhiều hơn giao thương dịch vụ. Hai là mặc dù lạm phát ở các nền kinh tế lớn đã và đang giảm, nhưng lạm phát cơ bản ở Hoa Kỳ và EU vẫn ở mức cao còn thị trường lao động vẫn đang khó tuyển dụng, điều đó cho thấy lãi suất vẫn tiếp tục cao hơn so với các mức trước đại dịch trong trước mắt. Ba là có đến gần 3.000 biện pháp mới được ban hành năm 2023 gây méo mó thương mại, cao gấp ba lần so với năm 2019.

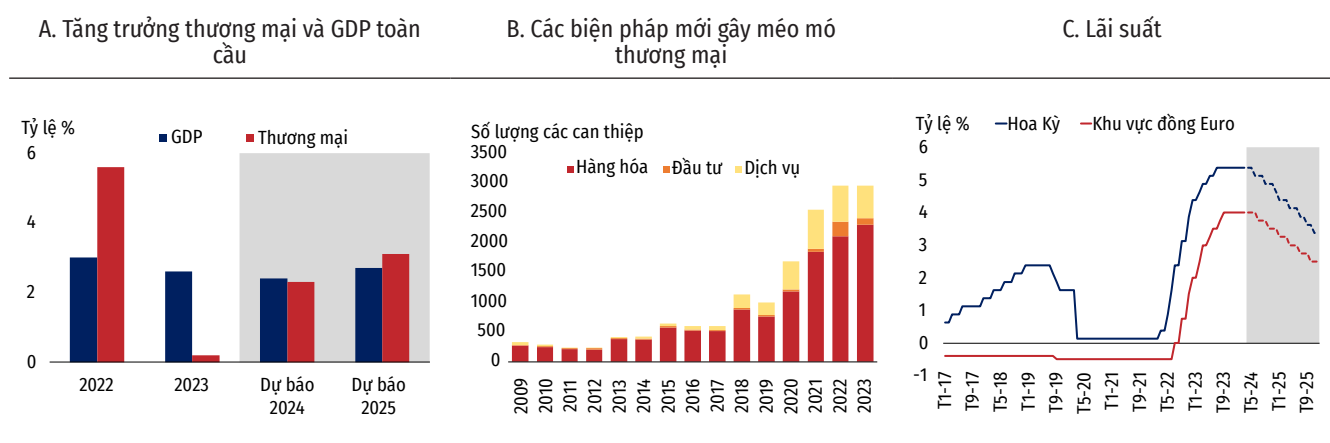
Phần lớn các biện pháp gây méo mó thương mại có hình thức là chính sách công nghiệp. Trước hết, hầu hết những quốc gia tích cực áp dụng chính sách công nghiệp đều là các quốc gia G-20, như Trung Quốc, Ấn Độ và hầu hết các quốc gia EU (Hình 04). Hai là số lượng các biện pháp chính sách công nghiệp được triển khai cũng tương đồng với trình độ phát triển, ngoại trừ trường hợp Bra-xin, Trung Quốc, Ấn Độ và Nga. Ba là các quốc gia ĐÁ-TBD (ngoại trừ Trung Quốc và In-đô-nê-xia) ít thiên về triển khai các chính sách công nghiệp hơn so với các quốc gia khác có quy mô và trình độ phát triển tương đồng. Cuối cùng, các quốc gia ĐÁ-TBD có xu hướng dễ bị những chính sách đó gây tác động méo mó thương mại hơn vì Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản là các thị trường đầu ra quan trọng và vì các doanh nghiệp được trợ giá là những đối thủ cạnh tranh tiềm năng của các doanh nghiệp ĐÁ-TBD.

**Hình 02.** Các yếu tố trong nước và bên ngoài kết hợp đang ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế ở khu vực ĐÁ-TBD



Nguồn: Minh họa của cán bộ Ngân hàng Thế giới.

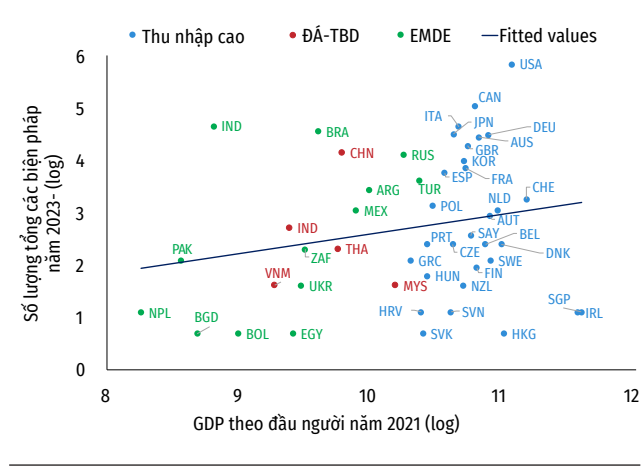
**Hình 03.** Ba diễn biến trên quốc tế liên quan đến nhau sẽ định hình kết quả kinh tế ở các quốc gia ĐÁ-TBD: thương mại toàn cầu phục hồi, các biện pháp làm gia tăng méo mó thương mại, và điều kiện huy động tài chính bị thắt chặt



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Global Trade Alert, Haver Analytics, Fed watch.

Ghi chú: B. Hình minh họa số lượng các biện pháp gây hại mới được các thành viên WTO triển khai, được điều chỉnh theo độ trễ bảo cáo.

**Hình 04.** Các quốc gia lớn và giàu có, nghĩa là G20, là các quốc gia tích cực thi hành chính sách công nghiệp



Nguồn: Cán bộ Ngân hàng Thế giới cụ thể hóa dữ liệu của NIPO và bộ chỉ số phát triển thế giới. Ghi chú: Chính sách công nghiệp mới, theo định nghĩa của NIPO, bao gồm cả chính sách công nghiệp trong nước cũng như các chương trình xúc tiến xuất khẩu và rào cản thương mại nhập khẩu. Toàn bộ các biện pháp có khả năng gây méo mó thương mại đều được tính đến.

### Yếu tố trong nước

#### Nợ

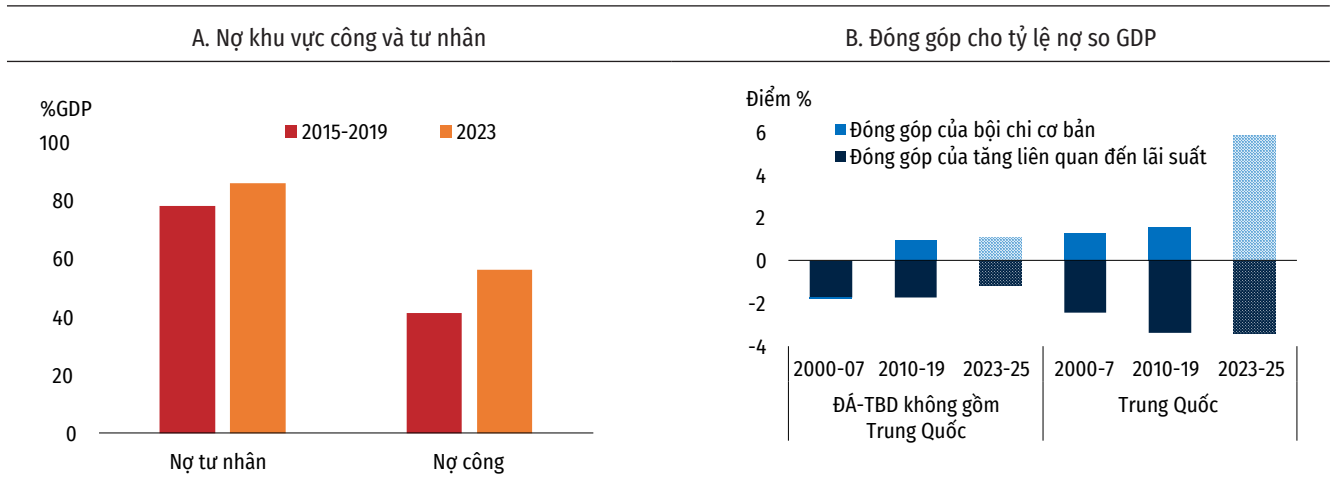
Nợ của cả khu vực công và tư nhân đều tăng lên đáng kể tính theo tỷ lệ so với GDP ở hầu hết các nền kinh tế trong khu vực (Hình 05A). Nợ của doanh nghiệp so với GDP ở Trung Quốc và Việt Nam đã cao hơn 40 điểm phần trăm kể từ năm 2010 và hiện đã vượt mức của các nền kinh tế phát triển. Nợ tư nhân so với GDP tăng thêm 10 điểm phần trăm tương đương với tăng trưởng đầu tư bị giảm 1,1 điểm phần trăm. Còn nợ của hộ gia đình ở Trung Quốc, Ma-lay-xia và Thái Lan hiện đã cao hơn mức ở các thị trường mới nổi khác. Hơn nữa, tỷ lệ nợ công so với GDP có xu hướng tăng do tăng bội chi cơ bản, tăng lãi suất và giảm tăng trưởng. (Hình 05B). Các quốc gia có nợ cao như CHDCND Lào đã trải qua thời kỳ chi trả lãi tăng mạnh vào năm 2023. Nợ cao ở các quốc gia và theo thời gian đều song hành với giảm tăng trưởng và tăng lãi suất (Cập nhật tình hình ĐÁ-TBD tháng 04/ 2021).



### Chính sách kinh tế vĩ mô

Chính sách kinh tế vĩ mô đã thoái lui khỏi vị thế mở rộng ở hầu hết các nền kinh tế trong giai đoạn 2020-2022. Các nền kinh tế lớn trong khu vực được dự báo sẽ duy trì cân đối cơ cấu tài khóa ở mức trung hòa hoặc tích cực trong giai đoạn 2023-2024 so với các năm trước đó (Hình O6A). Đồng thời, lãi suất chính sách trong khu vực ĐÁ-TBD đã và đang được nâng lên để xử lý nguy cơ lạm phát nhưng vẫn thấp hơn so với tại các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi khác (Hình O6B) - lý do là vì khu vực nhìn chung ít bị áp lực lạm phát gây ảnh hưởng còn các ngân hàng trung ương đã và đang vận dụng các biện pháp chính sách tiền tệ khác, như điều chỉnh yêu cầu dự trữ.

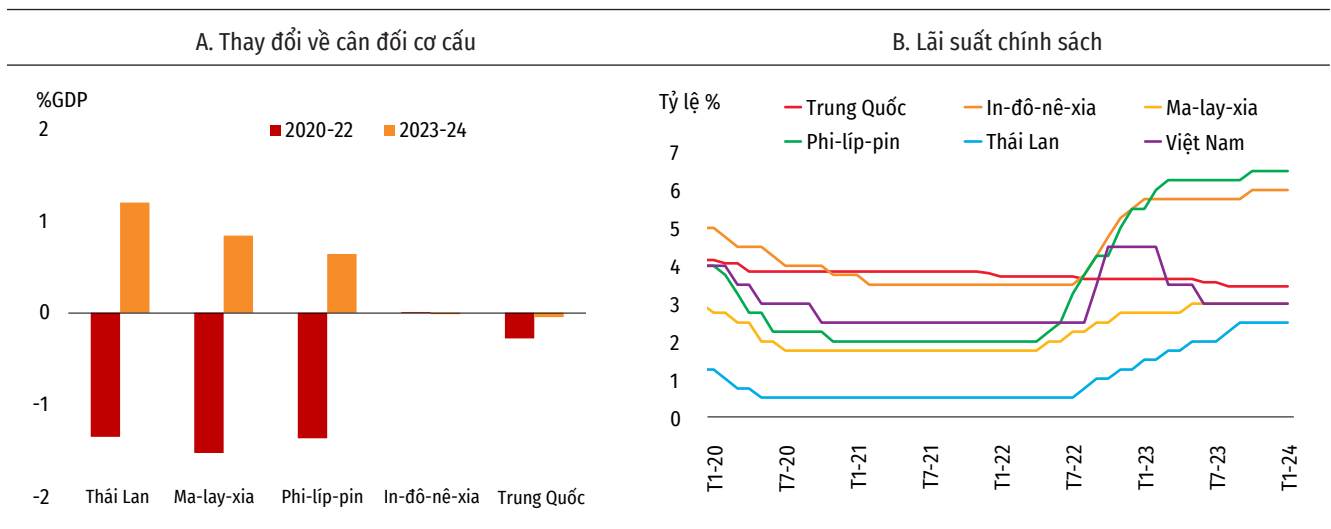
**Hình O5.** Nợ của khu vực công và tư nhân đang cao hơn so với trước đại dịch; tỷ lệ nợ công so GDP có xu hướng tăng do bội chi cơ bản tăng, lãi suất tăng và tăng trưởng giảm



*Nguồn:* Viện Tài chính Quốc tế; Triển vọng Kinh tế Thế giới, IMF, ước tính của cán bộ Ngân hàng Thế giới

*Ghi chú:* A. Các cột minh họa tỷ lệ nợ/GDP trung vị ở các nền kinh tế ĐÁ-TBD; nợ tư nhân nghĩa là nợ của các doanh nghiệp phi tài chính. B. Vùng chấm là dự báo. Tham khảo ghi chú về phương pháp luận tại Hình 31.

**Hình O6.** Chính sách tài khóa đã và đang trở nên ít mở rộng hơn ở hầu hết các quốc gia, còn chính sách tiền tệ đã được thắt chặt trong khu vực, ngoại trừ tại Trung Quốc và Việt Nam



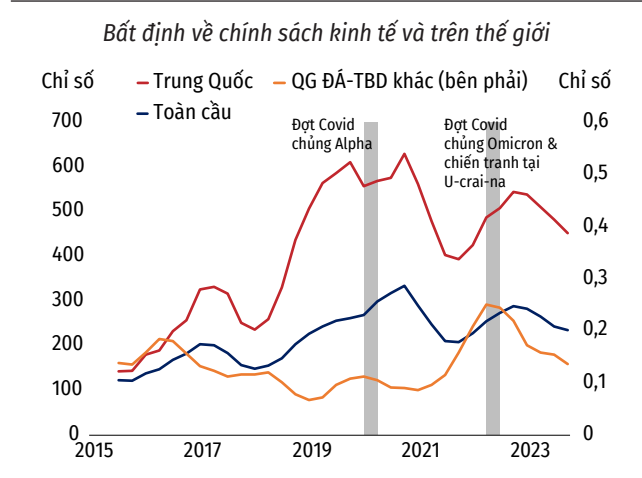
*Nguồn:* Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Haver Analytics.

Tuy nhiên, lạm phát vẫn cao dai dẳng ở các quốc đảo Thái Bình Dương bên cạnh các quốc gia như Mông Cổ, CHDCND Lào và Miến Điện. Lý do vì giá cả một số thương phẩm như gạo gia tăng, mức độ phụ thuộc cao vào hàng nhập khẩu và/hoặc đồng nội tệ bị mất giá mạnh. Trung Quốc và Việt Nam là hai quốc gia giảm lãi suất trong thời gian qua do nhu cầu trong nước yếu và khu vực doanh nghiệp gặp khó khăn.

**Bất định về chính sách và chính trị**

Chỉ số bất định về chính sách kinh tế trong khu vực đã gia tăng trong những năm qua (Hình 07). Diễn biến chính trị trong các nước bên cạnh căng thẳng chính trị gia tăng là nguyên nhân gây ra bất định. Chính vì vậy, thiếu khả năng tiên liệu hoặc thiếu rõ ràng về chính sách của chính phủ, tình hình thị trường, hoặc các sự kiện địa chính trị, đã gây tác động tiêu cực đến tăng trưởng đầu tư, khi các nhà đầu tư chưa muốn đầu tư cho các dự án mới hoặc đầu tư mở rộng doanh nghiệp hiện hành.

**Hình 07. Bất định về chính sách kinh tế gia tăng ở Hoa Kỳ và Trung Quốc**



*Nguồn:* Chỉ số bất định trên thế giới; chỉ số bất định về chính sách kinh tế.  
*Ghi chú:* “Trung Quốc” có Chỉ số bất định về chính sách kinh tế được minh họa dựa trên Báo Bưu điện Nam Hoa Bối sáng, các báo lục địa của Trung Quốc. “ĐÁ-TBD khác” minh họa mức trung vị của In-đô-nê-xia, Ma-lay-xia, Thái Lan, Phi-líp-pin và Việt Nam, bằng bình quân động 4 quý của Chỉ số bất định trên thế giới. “Toàn cầu” minh họa bình quân động ba quý của chỉ số bất định về chính sách kinh tế toàn cầu.

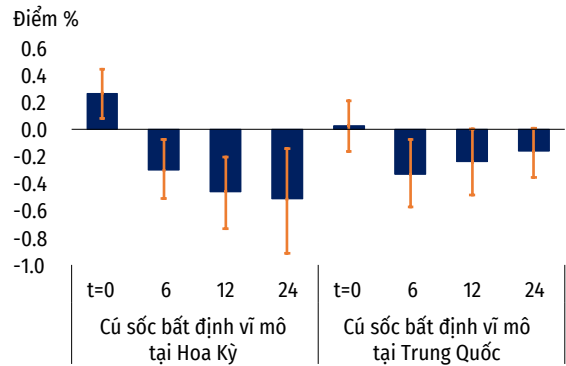
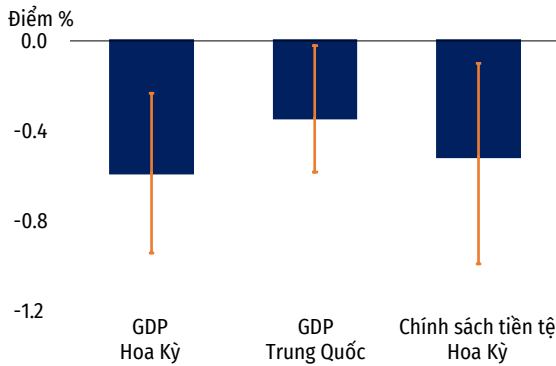
► **Tác động của các yếu tố trong nước và bên ngoài**

Nếu có cú sốc về tăng trưởng ở các đối tác thương mại lớn nhất trong khu vực, như Trung Quốc và Hoa Kỳ, điều đó sẽ ảnh hưởng đến các nền kinh tế ĐÁ-TBD, qua các lưu lượng thương mại và tài chính, bao gồm cả dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) (Ngân hàng Thế giới 2023a).

Chỉ cần tăng trưởng GDP giảm 1 điểm phần trăm ngoài dự kiến ở Hoa Kỳ (Trung Quốc), thì tốc độ tăng trưởng ở các quốc gia đang phát triển còn lại ở khu vực ĐÁ-TBD bình quân giảm khoảng 0,5 (0,3) điểm phần trăm (Hình 08A). Các cú sốc ngoài dự kiến đối với chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ cũng ảnh hưởng đến tăng trưởng; lợi suất tăng 25 điểm cơ bản sẽ làm giảm tăng trưởng khoảng 0,4 điểm phần trăm.

**Hình 08. Tăng trưởng trong khu vực bị ảnh hưởng bởi các diễn biến tại các đối tác thương mại lớn nhất của khu vực**

A. Tác động của việc tăng trưởng GDP của Trung Quốc và Hoa Kỳ giảm 1 điểm %, và lợi suất trái phiếu Mỹ kỳ hạn 2 năm tăng 25 điểm cơ bản B. Tác động của cú sốc bất định ở mức 1 độ lệch chuẩn tại Mỹ và Trung Quốc đến tăng trưởng sản lượng công nghiệp tại ĐÁ-TBD



*Nguồn:* Ước tính của cán bộ Ngân hàng Thế giới.  
*Ghi chú:* Các kết quả trên được tính dựa trên hồi quy tự động véc-tơ bằng cho In-đô-nê-xia, Ma-lay-xia, Phi-líp-pin và Thái Lan. A. Các cột minh họa các cú sốc sau: tăng trưởng tại Trung Quốc và Hoa Kỳ giảm 1 điểm phần trăm, và lợi suất trái phiếu Mỹ kỳ hạn 2 năm tăng 25 điểm cơ bản. Tác động được ước tính qua mô hình hồi quy tự động véc-tơ Bayesian. B. Các cột minh họa phản ứng động của nền sản xuất tại ĐÁ-TBD khi bất định về kinh tế vĩ mô tại Hoa Kỳ và Trung Quốc tăng một độ lệch chuẩn. Tham khảo Hộp A1 để tìm hiểu thêm chi tiết.

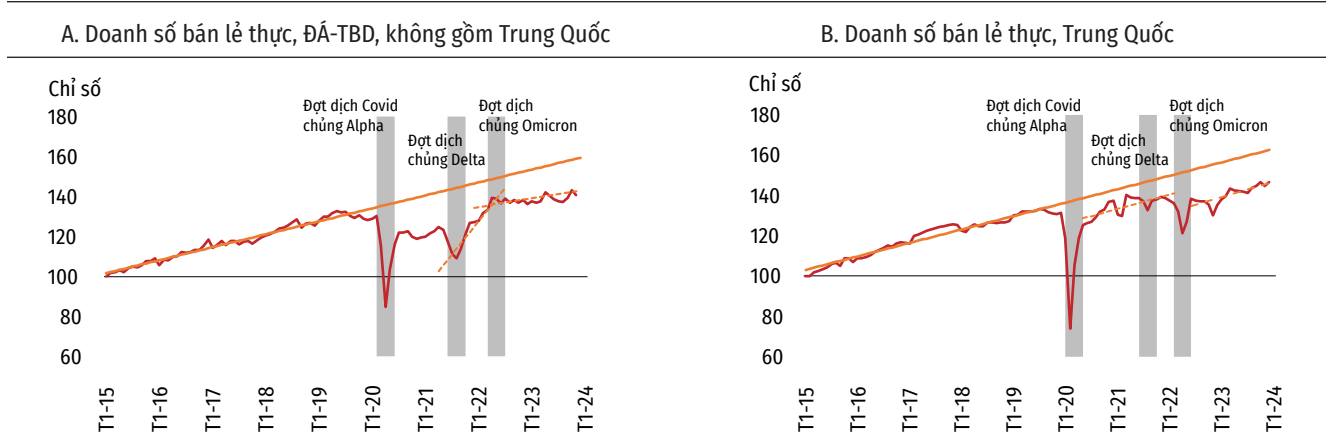


Ngoài những thay đổi trong các biến kinh tế vĩ mô ở Hoa Kỳ và Trung Quốc, bất định kinh tế vĩ mô tăng lên cũng ảnh hưởng đến các quốc gia ĐÁ-TBD, do nó làm cản trở đầu tư và tiêu dùng. Bất định vĩ mô ở Hoa Kỳ và Trung Quốc tăng thêm một độ lệch chuẩn sẽ dẫn đến tăng trưởng sản lượng công nghiệp giảm từ 0,5 đến 0,3 điểm phần trăm, và giá cả tài sản giảm 3% ở khu vực ĐÁ-TBD trong vòng một năm (Hình O8B).

### Tiêu dùng

Ngay cả khi doanh số bán lẻ đã vượt qua mức trước đại dịch ở hầu hết các quốc gia, nhưng xu hướng tăng doanh số bán lẻ vẫn thấp hơn tốc độ trước đại dịch ở hầu hết các nền kinh tế ĐÁ-TBD (Hình O9). Các yếu tố sát sườn như nợ của hộ gia đình gia tăng (ví dụ tại Ma-lay-xia, Thái Lan), giá trị bất động sản mất giá (ví dụ tại Trung Quốc) và bất định chính trị gia tăng đã và đang gây ảnh hưởng đến lòng tin của người tiêu dùng và qua đó là chi tiêu của họ.

**Hình O9. Xu hướng tiêu dùng tư nhân đang đi ngang nhiều hơn so với thời kỳ trước đại dịch**



Nguồn: Haver Analytics

**Ghi chú:** Hình minh họa doanh số bán lẻ điều chỉnh theo mùa vụ tính theo chỉ số từ 01/2015. Khi không có dữ liệu về doanh số bán lẻ theo khối lượng, doanh số bán lẻ dựa trên giá trị được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng. Doanh số bán lẻ của Trung Quốc bao gồm cả một số ít các lĩnh vực dịch vụ. Đường thẳng minh họa xu hướng trước Covid còn đường gạch chấm minh họa xu hướng từ tháng 01/2021. A. Bình quân không tính gia quyền cho In-đô-nê-xia, Ma-lay-xia, Phi-líp-pin (doanh số hàng chế tạo chế biến), Thái Lan và Việt Nam.

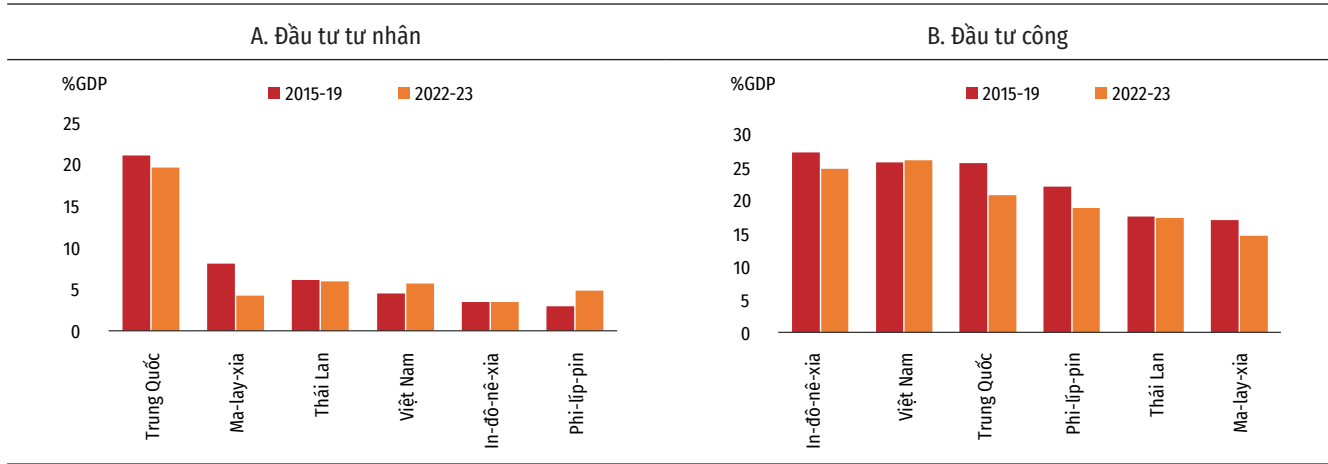
### Đầu tư

Tỷ lệ đầu tư tư nhân so với GDP đã và đang thấp hơn so với các mức trước đại dịch tại các quốc gia đang phát triển khu vực ĐÁ-TBD trong những năm qua (Hình O10), do tăng nợ, lãi suất và bất định chính sách. Đầu tư công nhìn chung hỗ trợ hoạt động kinh tế trong thời kỳ đại dịch và đã vượt các mức trước đại dịch, tính theo tỷ lệ so với GDP tại In-đô-nê-xia, Phi-líp-pin, Thái Lan và Việt Nam.

### Xuất khẩu

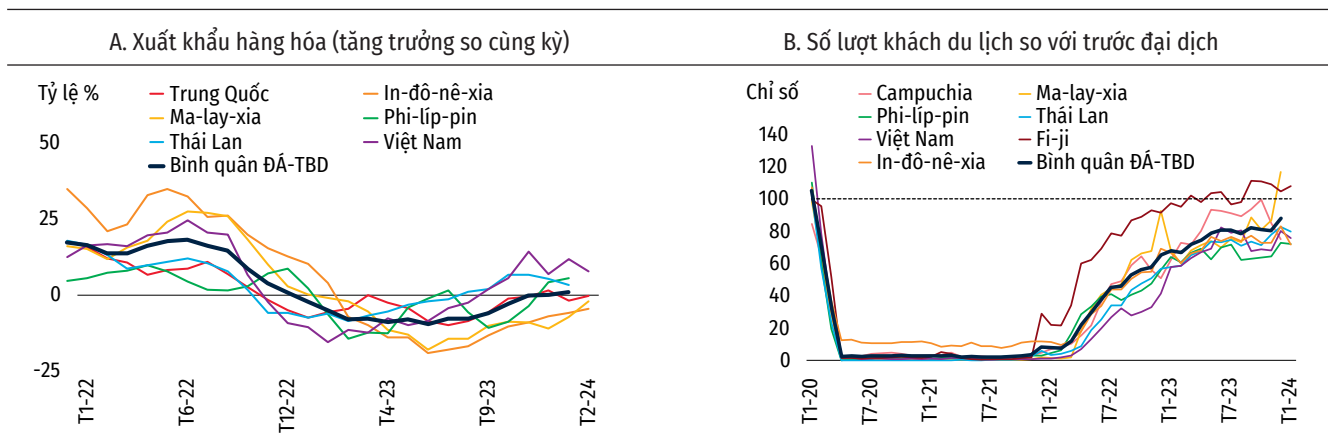
Xuất khẩu hàng hóa của các quốc gia ĐÁ-TBD bắt đầu phục hồi cùng với nền kinh tế thế giới trong nửa cuối năm 2023 (Hình O11A), sau khi giảm trên 20% từ mức đỉnh trong quý hai năm 2022 tại In-đô-nê-xia và Ma-lay-xia, và trên 10% tại Trung Quốc và Việt Nam. Đến Q4/2023, tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa đã quay lại hoặc đang tiến đến vùng tăng trưởng dương tại Trung Quốc, Thái Lan và Việt Nam. Du lịch phục hồi đã hỗ trợ cho xuất khẩu dịch vụ tại Ma-lay-xia và Fi-ji, nhưng nhìn chung, tổng số lượt du khách (và nguồn thu từ du lịch) dường như đã theo xu hướng đi ngang thấp hơn mức trước đại dịch. Lý do một phần là vì số lượt du khách Trung Quốc chưa quay lại mức trước đại dịch (Hình O11B).

**Hình O10.** Tỷ lệ đầu tư tư nhân so GDP thấp hơn so với trước đại dịch, và tương tự là đầu tư công tại một số quốc gia



Nguồn: Ước tính của cán bộ Ngân hàng Thế giới

**Hình O11.** Xuất khẩu hàng hóa bắt đầu phục hồi nhưng còn chậm; số lượt khách du lịch đi ngang ở mức thấp hơn trước đại dịch tại một số nền kinh tế



Nguồn: Haver Analytics

Ghi chú: A. Bình quân động ba tháng. B. Hình minh họa số lượt khách du lịch hàng tháng được tính chỉ số so với tháng cùng kỳ năm 2019.

### Trung Quốc

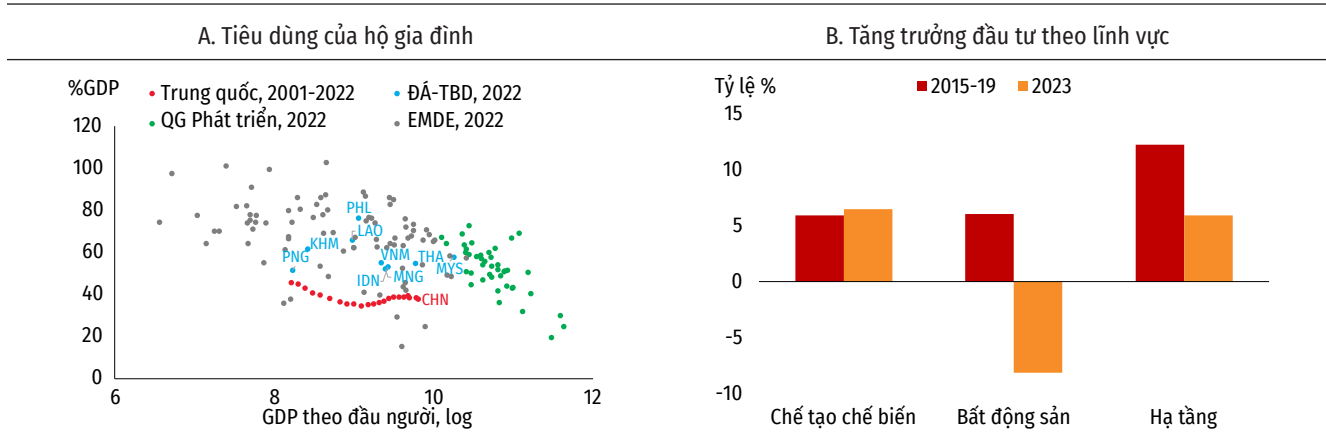
Sau khi phục hồi mạnh mẽ hậu COVID đầu năm 2023, đà tăng trưởng của Trung Quốc bị chững lại. Áp lực giảm phát, tỷ lệ toàn dụng công suất sụt giảm, thị trường lao động chững lại cho thấy tổng cầu đang không bắt nhịp được với tổng cung. Các động lực tăng trưởng chủ đạo trong những thập kỷ qua – đầu tư về hạ tầng và bất động sản – đã giảm đà đáng kể, khi thị trường bất động sản phải trải qua giai đoạn suy giảm nhưng cũng là điều chỉnh cần thiết, trong khi đó nợ ở mức cao và lợi nhuận đầu tư giảm dần làm hạn chế quá trình tiếp tục phát triển hạ tầng. Trung Quốc đặt mục tiêu chuyển dịch sang lộ trình tăng trưởng cân đối hơn, nhưng mong muốn tìm ra các động lực tạo cầu thay thế cho thấy còn nhiều khó khăn.

Thách thức trọng tâm là tỷ lệ tiết kiệm cao, vì vậy tiêu dùng trong nước vẫn tương đối thấp (Hình O12A). Để tiếp tục duy trì tổng cầu, Trung Quốc cần duy trì tỷ lệ đầu tư cao, đẩy mạnh xuất khẩu, hoặc tăng chi tiêu của chính phủ. Trong thập kỷ qua, Trung Quốc đã thành công trong việc giảm phụ thuộc vào hàng nhập khẩu và chuyển dịch từ khai thác nhu cầu bên ngoài

sang khai thác nhu cầu trong nước. Tuy nhiên, kết quả lại là bất cân đối trong nước, do còn phụ thuộc nhiều vào đầu tư về hạ tầng và bất động sản. Hiện nay, Trung Quốc đang nỗ lực tái cân đối về đầu tư, hướng đến các lĩnh vực chế tạo chế biến tiên tiến (Hình O12B). Rủi ro là tình trạng bất cân bằng mới có thể xuất hiện giữa năng lực chế tạo chế biến và nhu cầu, cả trong nước và trên quốc tế.

Để hỗ trợ tổng cầu, chính phủ đã công bố gói kích thích kinh tế vĩ mô ở mức vừa phải. Cách tiếp cận thận trọng của họ trong chính sách kinh tế vĩ mô cho thấy họ đang tìm cách tạo sự cân đối giữa gói kích thích kinh tế trong ngắn hạn với nhu cầu hoàn thành mục tiêu dài hạn hơn là đảm bảo tăng trưởng bền vững và ổn định. Nếu chỉ áp dụng gói kích thích tài khóa truyền thống thì không thể xử lý bất cân đối cơ cấu về tổng cầu. Thay vào đó, cần có những cải cách để giảm tỷ lệ tiết kiệm phòng ngừa, chẳng hạn tăng cường hệ thống đảm bảo xã hội và hưu trí, áp dụng thuế lũy tiến nhiều hơn, và điều chuyển chi tiêu công từ chi cho hạ tầng sang chi đầu tư cho vốn nhân lực, qua đó sẽ kích thích tiêu dùng, đem lại tăng trưởng cân bằng hơn. Ngoài ra, môi trường chính sách minh bạch và dễ tiên liệu, kết hợp với đối xử công bằng với các doanh nghiệp bất kể thành phần kinh tế, cũng là cách để giữ vững lòng tin của nhà đầu tư, đồng thời khuyến khích đầu tư tư nhân, trong khi vẫn để thị trường đóng vai trò lớn hơn về phân bổ vốn, giảm rủi ro về dư công suất.

**Hình O12.** Tỷ lệ tiêu dùng so với GDP vẫn tương đối thấp ở Trung Quốc; Tăng trưởng đầu tư nhích lên hơn trong các lĩnh vực chế tạo chế biến, nhưng chững lại ở lĩnh vực hạ tầng và bất động sản



Nguồn: WDI, Haver Analytics.

Ghi chú: A. Minh họa cho các quốc gia có dân số trên 1,5 triệu người. B. Hình minh họa mức tăng trưởng bình quân so cùng kỳ

**Bảng 1.** Dự báo tăng trưởng GDP

	2015-19	2020	2021	2022	2023	Dự báo T4/2024		Dự báo T10/2023	
						2024	2025	2023	2024
Đông Á & Thái Bình Dương	6,4	1,3	7,5	3,4	5,1	4,5	4,3	5,0	4,5
Đông Á & Thái Bình Dương (không gồm Trung Quốc)	4,9	-3,5	2,7	5,8	4,4	4,6	4,8	4,6	4,7
Các quốc đảo Thái Bình Dương	3,0	-10,2	-3,5	6,4	5,6	3,6	3,3	5,2	3,6
Trung Quốc	6,7	2,2	8,4	3,0	5,2	4,5	4,3	5,1	4,4
In-đô-nê-xia	5,0	-2,1	3,7	5,3	5,0	4,9	5,0	5,0	4,9

Ma-lay-xia	4,9	-5,5	3,3	8,7	3,7	4,3	4,4	3,9	4,3
Phi-líp-pin	6,6	-9,5	5,7	7,6	5,6	5,8	5,9	5,6	5,8
Thái Lan	3,4	-6,1	1,6	2,5	1,9	2,8	3,0	3,4	3,5
Việt Nam	7,1	2,9	2,6	8,1	5,0	5,5	6,0	4,7	5,5
Cam-pu-chia	7,1	-3,1	3,0	5,2	5,4	5,8	6,1	5,5	6,1
CHDCND Lào	6,6	0,5	2,5	2,7	3,7	4,0	4,1	3,7	4,1
Mông Cổ	4,6	-4,4	1,6	5,0	7,1	4,8	6,6	5,1	6,1
Miến Điện	6,4	6,6	-9,0	-12,0	4,0	1,3	2,0	3,0	2,0
Pa-pua Niu Ghi-nê	4,0	-3,2	0,1	4,3	2,7	4,8	3,6	3,0	5,0
Đông Ti-mo	5,1	-8,3	2,9	4,0	2,1	3,6	4,5	2,4	3,5
Pa-lau	1,0	-9,1	-13,4	-2,0	0,8	12,4	11,9	-1,4	10,4
Fi-ji	3,1	-17,0	-4,9	20,0	8,0	3,5	3,3	7,7	4,0
Quốc đảo Sô-lô-mông	3,0	-3,4	-0,6	-4,1	1,9	2,8	3,1	1,8	2,7
Tu-va-lu	6,7	-4,3	1,8	0,7	3,9	3,5	2,4	3,9	3,5
Quốc đảo Mác-san	4,8	-1,8	1,0	-4,5	3,0	3,0	2,0	3,0	3,0
Va-nu-a-tu	3,5	-5,0	0,6	1,9	2,5	3,7	3,5	1,5	2,6
Kí-ri-ba-ti	2,5	-0,6	8,5	3,9	4,2	5,6	2,0	2,5	2,4
Tông-ga	2,4	0,5	-2,7	-2,0	2,6	2,5	2,2	2,6	2,5
Sa-moa	3,4	-3,1	-7,1	-5,3	8,0	4,5	3,6	6,0	4,0
Mai-crô-nê-xia	1,9	-1,8	-3,2	-0,6	0,8	1,1	1,7	2,8	2,8
Nau-ru	2,4	0,7	7,2	2,8	0,6	1,4	1,2	2,0	1,5

*Nguồn:* Ngân hàng Thế giới; ước tính và dự báo của Ngân hàng Thế giới.

*Ghi chú:* Tỷ lệ % tăng trưởng GDP tính theo giá thị trường. Số liệu của năm 2023 đối với các nền kinh tế quốc đảo nhỏ là ước tính về tăng trưởng GDP. Số liệu của Đông Ti-mo là GDP không tính dầu thô. Đối với các quốc gia dưới đây, số liệu tương ứng với năm tài khóa. Các nhà nước liên bang Mai-crô-nê-xia, Pa-lau, Cộng hòa Quốc đảo Mác-san (từ 01/10 - 30/09); Nau-ru, Sa-moa và Tông-ga (01/07 - 30/6). Tốc độ tăng trưởng của Miến Điện tính theo năm tài khoa từ tháng 10 đến tháng 09.

### ► Chuyên đề đặc biệt: Nền tảng vững chắc cho tăng trưởng

Mặc dù tăng trưởng thu nhập theo đầu người ở khu vực ĐÁ-TBD đã cao hơn so với hầu hết các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi khác trong hai thập kỷ qua, nhưng tăng trưởng vẫn chủ yếu nhờ vào đầu tư vốn thay vì cải thiện về tổng tăng trưởng năng suất (Hình O13). Tăng trưởng năng suất lao động có thể được tạo ra nhờ tăng đầu tư (tăng vốn đầu tư), cải thiện về vốn nhân lực (thông qua giáo dục và hình thành kỹ năng), cũng như tăng tổng năng suất các yếu tố, còn gọi là TFP (là yếu tố trong sản xuất gắn liền với đổi mới sáng tạo vì nó không thể lý giải được qua tăng về lượng các yếu tố lao động, vốn vật chất và con người). Về lâu dài, năng suất (TFP) – nhằm đo lường hiệu suất chuyển đổi đầu vào thành đầu ra – vẫn là động lực tăng trưởng chủ đạo. Hiểu được các nguyên nhân dẫn đến suy giảm tăng trưởng năng suất ở các nền kinh tế ĐÁ-TBD sẽ giúp ta thiết kế được những chính sách nhằm hỗ trợ tăng trưởng trong dài hạn.

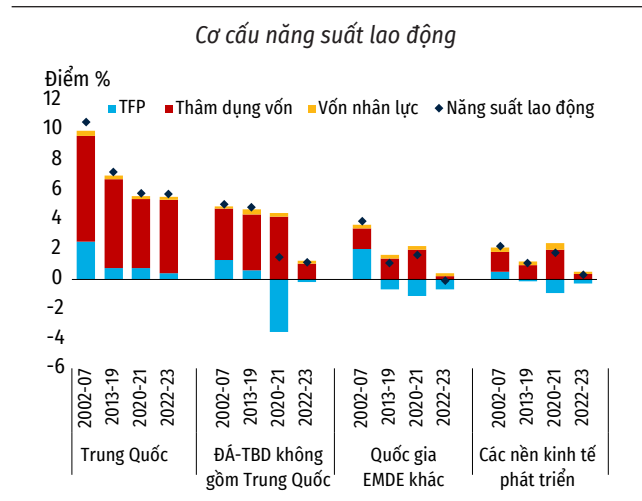
Chuyên đề đặc biệt của báo cáo cập nhật kỳ này nhằm tìm hiểu về những thách thức liên quan đến tăng trưởng năng suất thông qua phương thức phân tích mới ở cấp độ doanh nghiệp; các yếu tố dẫn đến suy giảm; và những chính sách nhằm khơi lại tăng trưởng TFP, là động lực tăng trưởng kinh tế sống còn.

► **Điều gì đã và đang diễn ra với năng suất ở cấp độ doanh nghiệp?**

Tăng trưởng năng suất tổng hợp là quá trình động bao hàm:

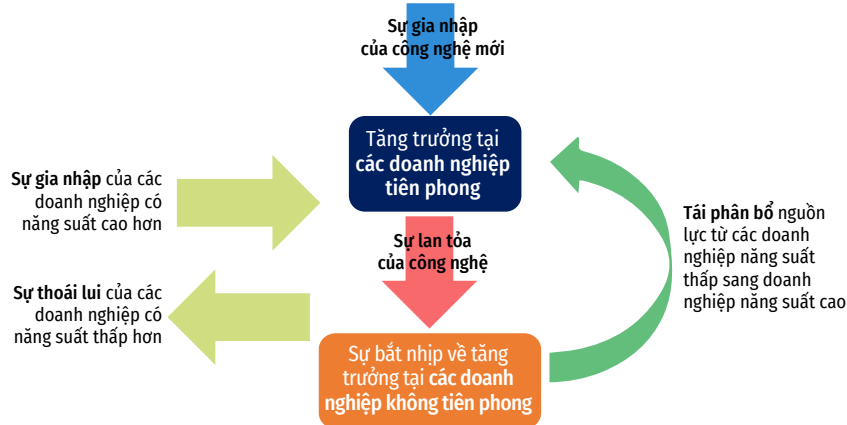
- (i) tăng trưởng năng suất trong các doanh nghiệp hiện hành;
- (ii) phân bổ lại thị phần sang các doanh nghiệp có năng suất cao hơn; và
- (iii) sự gia nhập và thoái lui của doanh nghiệp (Hình O14). Phân tích chính xác được các yếu tố làm giảm năng suất là điều quan trọng để ban hành các chính sách đúng đắn.

**Hình O13. Tăng trưởng trong khu vực vẫn dựa vào tích lũy tư bản hơn là tăng trưởng TFP**



*Nguồn:* Hội đồng Hội nghị, cơ sở dữ liệu tổng nền kinh tế.  
*Ghi chú:* Hình minh họa mức trung vị không trọng số (ĐÁ-TBD không gồm Trung Quốc có 7 quốc gia). TFP: Năng suất các yếu tố tổng hợp.

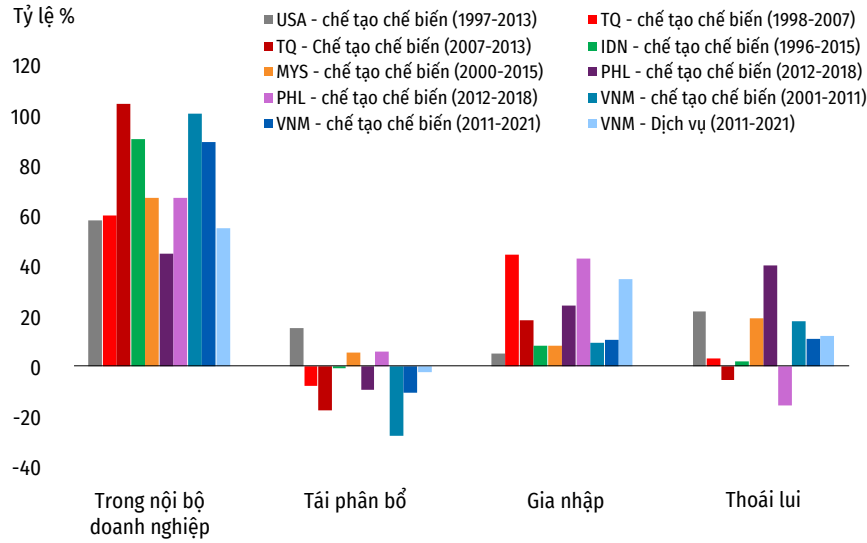
**Hình O14. Các yếu tố đem lại tăng trưởng năng suất tổng hợp**



*Nguồn:* Các tác giả  
*Ghi chú:* Doanh nghiệp tiên phong là những doanh nghiệp có năng suất cao nhất trong một quốc gia và lĩnh vực

Tại nhiều nền kinh tế Đông Á, tăng trưởng năng suất chủ yếu do cải thiện về năng suất ở các doanh nghiệp hiện hành (Hình O15). Về mặt này, các doanh nghiệp trong khu vực cũng giống như doanh nghiệp ở các quốc gia khác, bao gồm ở Hoa Kỳ và cả ở Mỹ La-tinh và Đông Âu. Vì tăng trưởng năng suất đến nay vẫn chủ yếu nhờ vào tăng trưởng năng suất của doanh nghiệp, năng suất tổng thể chừng lại có thể do tăng trưởng trong nội tại doanh nghiệp đang chừng lại. Lý do tại sao tăng trưởng năng suất chừng lại diễn ra trong thời kỳ tiến bộ công nghệ diễn ra nhanh chóng đang là câu hỏi khó trả lời.

**Hình O15. Tăng trưởng năng suất tại ĐÁ-TBD đến nay vẫn chủ yếu dựa vào tăng trưởng năng suất ở các doanh nghiệp**



*Nguồn:* In-đô-nê-xia, Ma-lay-xia, Phi-líp-pin, và Việt Nam dùng tính toán của tác giả qua dữ liệu vi mô của Cuộc Thống kê, Trung Quốc lấy của Brandt và đồng sự (2020), Hoa Kỳ lấy của Pancost và Yeh (2022).

*Ghi chú:* Cơ cấu được tính ở cấp độ 2 ký tự và tổng hợp theo trọng số về giá trị gia tăng. Biểu đồ phản ánh thay đổi năng suất bình quân 5 đến 6 năm, trong các giai đoạn được nêu trong chú thích (5 hoặc 6 năm tùy vào dữ liệu sẵn có của quốc gia). Lưu ý giá nhập chỉ là giá nhập của các doanh nghiệp non trẻ, giá nhập vào khảo sát do thay đổi mẫu đã được loại trừ.

► **Điều gì đã và đang diễn ra với năng suất ở các doanh nghiệp tiên phong và đi sau?**

Trong thập kỷ 1990, công nghệ mới trước hết được áp dụng tại các doanh nghiệp tiên phong khu vực ĐÁ-TBD, được xác định là những doanh nghiệp có năng suất cao nhất trong một quốc gia, rồi sao đó lan tỏa dần đến các doanh nghiệp khác, nhưng với tốc độ chậm hơn so với quá khứ (Cirera và đồng sự, 2021; Báo cáo về yêu cầu đổi mới sáng tạo). Xu hướng này cũng nhất quán với trải nghiệm ở các nền kinh tế phát triển.

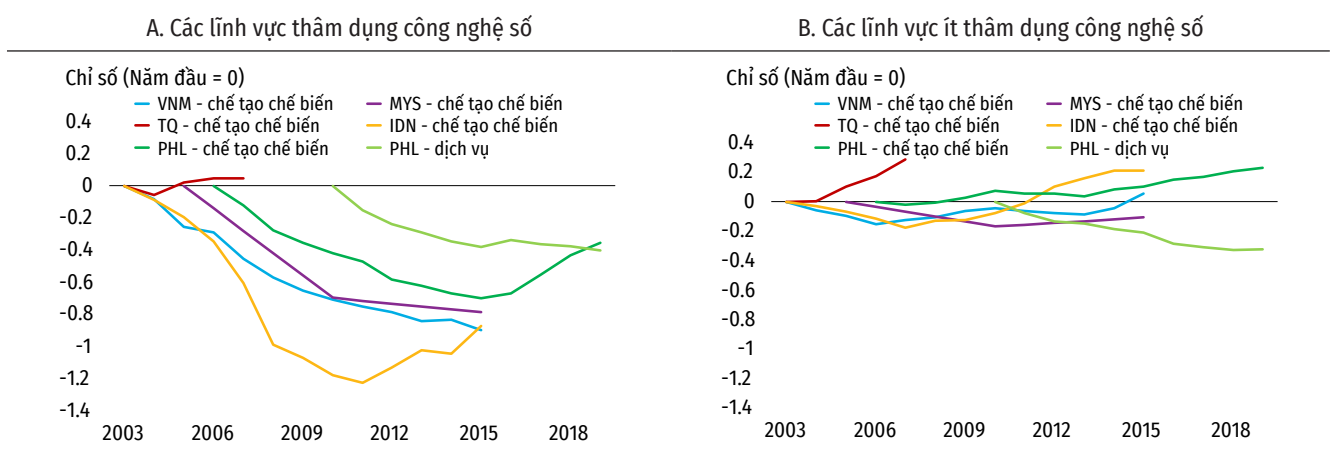
Mặc dù vậy, tăng trưởng năng suất ở các doanh nghiệp tiên phong trong nước tại các nền kinh tế ĐÁ-TBD đã và đang suy giảm nhiều hơn so với các doanh nghiệp đa quốc gia tiên phong trong các lĩnh vực thâm dụng công nghệ số, như điện tử, trong những năm vừa qua (Hình O16). Tăng trưởng chững lại ở các doanh nghiệp tiên phong trong nước diễn ra đồng bộ trong các lĩnh vực thâm dụng công nghệ số – cũng là các lĩnh vực mà các doanh nghiệp tốt nhất ở các nước giàu đang vượt xa họ. Chẳng hạn, trong các lĩnh vực chế tạo chế biến công nghệ số, năng suất của các doanh nghiệp tiên phong toàn cầu tăng 76% từ năm 2005 đến 2015, trong khi các doanh nghiệp tiên phong trong nước ở In-đô-nê-xia, Ma-lay-xia, Phi-líp-pin và Việt Nam chỉ tăng năng suất bình quân ở mức 31%. Đối với các lĩnh vực ít thâm dụng công nghệ số hơn, khoảng cách giữa các doanh nghiệp tiên phong trong nước với các doanh nghiệp toàn cầu ít rõ rệt hơn. Sức ỳ tương quan của các doanh nghiệp tiên phong trong nước cũng có thể quan sát được ở các quốc gia đang phát triển ngoài khu vực ĐÁ-TBD, nhưng ở mức độ thấp hơn. Vì công nghệ mới ban đầu thường được áp dụng ở các doanh nghiệp tiên phong, sau đó mới lan tỏa ra các doanh nghiệp khác, điều quan trọng là phải tạo sức sống mới với các doanh nghiệp tiên phong trong nước để đảm bảo tăng trưởng của mọi doanh nghiệp trong tương lai.

Công nghệ số tiên tiến, như phân tích dữ liệu, đang lan tỏa dần ra các doanh nghiệp hàng đầu trong nước tại khu vực ĐÁ-TBD. Đương nhiên, doanh nghiệp tại các quốc gia đang phát triển khu vực Đông Á chưa tiên tiến bằng doanh nghiệp ở các quốc gia phát triển. Nhưng mặc dù một doanh nghiệp trung bình ở ĐÁ-TBD đứng sau một chút so với một doanh nghiệp trung bình ở các nền kinh tế phát triển, nhưng những doanh nghiệp tiên tiến nhất ở ĐÁ-TBD lại tụt hậu xa những doanh nghiệp toàn cầu tiên tiến nhất (Cirera và đồng sự, sắp công bố). Mức độ tiên tiến tương quan nêu trên ở các doanh nghiệp tiên phong trong nước cũng đúng bên ngoài khu vực Đông Á, nhưng với mức thấp hơn.



**Hình O16.** Các doanh nghiệp tiên phong trong nước tại ĐÁ-TBD đang đi sau các doanh nghiệp tiên phong hàng đầu, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ số

Khoảng cách giữa doanh nghiệp tiên phong trong nước và toàn cầu



*Nguồn:* Tính toán của tác giả sử dụng dữ liệu vi mô Cục Thống kê và Criscuolo và đồng sự (2023) về các doanh nghiệp tiên phong toàn cầu.

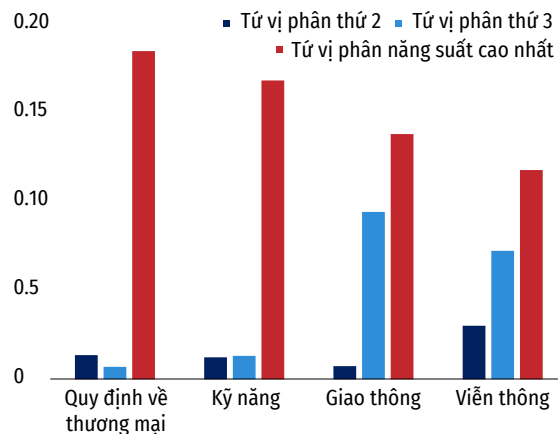
*Ghi chú:* Các doanh nghiệp tiên phong trong nước được xác định như số liệu trước (nhóm bách phân vị 90 về năng suất của doanh nghiệp tại từng quốc gia và lĩnh vực). Mức độ thâm dụng công nghệ số của các lĩnh vực được xác định theo Eurostat.

► **Tại sao các doanh nghiệp hàng đầu chưa dẫn đầu?**

Tăng trưởng năng suất tương đối ỳ trệ tại ĐÁ-TBD có lẽ là do các doanh nghiệp tiên phong chưa có đủ động lực và do toàn bộ các doanh nghiệp đang thiếu những năng lực liên quan. Các doanh nghiệp năng suất nhất ở Đông Á và Thái Bình Dương có thể chỉ ra những hạn chế chính bao gồm rào cản thương mại, thiếu kỹ năng và yếu kém về hạ tầng giao thông và viễn thông (Hình O17).

**Hình O17.** Các doanh nghiệp có năng suất cao nhất cho biết, các quy định về thương mại, kỹ năng của lực lượng lao động, hạ tầng giao thông và viễn thông là những hạn chế quan trọng nhất đối với hoạt động của doanh nghiệp

Mức độ hạn chế nghiêm trọng tính theo nhóm tứ phân vị về năng suất lao động (so với nhóm tứ vị phân đáy)



*Nguồn:* Khảo sát doanh nghiệp của Ngân hàng Thế giới.

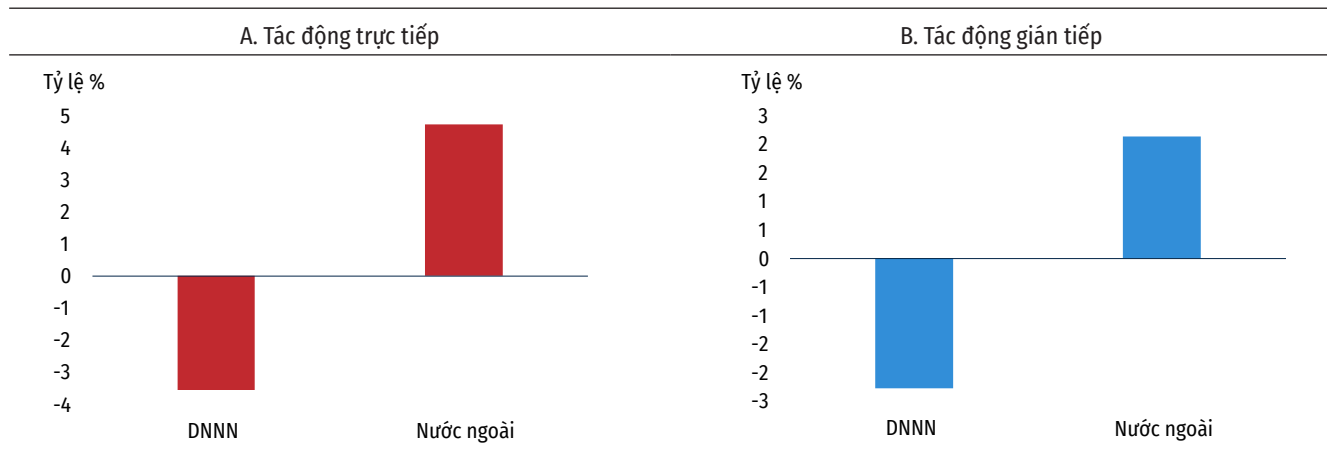
*Ghi chú:* Năng suất lao động trong các lĩnh vực chế tạo chế biến đowcj tính toán trong từng quốc gia và năm (áp dụng trọng số mẫu). Điểm số phản ánh mức độ nghiêm trọng của những hạn chế được doanh nghiệp trả lời (theo thang điểm từ 0 đến 4) trong từng nhóm tứ vị phân, tương quan với tứ vị phân đáy là những doanh nghiệp có năng suất thấp nhất. Trình bày kết quả hồi quy cấp độ doanh nghiệp về những hạn chế theo báo cáo của các nhóm tứ vị phân về năng suất lao động, kiểm soát về quy mô doanh nghiệp, hiệu ứng cố định theo năm và quốc gia. Phản ánh dữ liệu cho 13 quốc gia thu nhập thấp và trung bình khu vực ĐÁ-TBD.

### Doanh nghiệp cần có động cơ phù hợp

Mức độ cạnh tranh thấp có thể lý giải cho tăng trưởng năng suất tương đối thấp ở các doanh nghiệp tiên phong trong khu vực ĐÁ-TBD. Cạnh tranh cao (hoặc nguy cơ cạnh tranh cao), có thể có được qua mở cửa thương mại và đầu tư, làm tăng động lực cho các doanh nghiệp tiên phong phải đổi mới sáng tạo và phát triển (Aghion và đồng sự, 2009, 2021). Mặc dù thuế quan trong các lĩnh vực chế tạo chế biến ở các quốc gia ĐÁ-TBD tương đối thấp, nhưng thuế quan đối với các mặt hàng nông nghiệp và các biện pháp phi thuế quan áp dụng cho các lĩnh vực chế tạo chế biến vẫn đang hạn chế cạnh tranh. Hơn nữa, các quy định về thị trường sản phẩm ở Trung Quốc và In-đô-nê-xia có mức độ hạn chế cao hơn 50% so với tại Hoa Kỳ (OECD). Một số thị trường ở ĐÁ-TBD, chẳng hạn Việt Nam, đang bị các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) chi phối và điều đó cũng có thể ảnh hưởng đến điều kiện cạnh tranh. Trong khu vực ĐÁ-TBD, số lượng các doanh nghiệp khởi nghiệp đã giảm mạnh trong vài thập kỷ qua, nhất là trong các lĩnh vực thâm dụng công nghệ số, và khu vực ngày càng có nhiều các doanh nghiệp lâu đời già cỗi.

Doanh nghiệp tiên phong ở ĐÁ-TBD hoạt động trong môi trường cạnh tranh hơn thường có tăng trưởng năng suất cao hơn (Hình O18). Các doanh nghiệp tiên phong có vốn đầu tư nước ngoài có tăng trưởng năng suất hàng năm cao hơn 5% so với các doanh nghiệp tiên phong khác, trong khi đó doanh nghiệp nhà nước có tăng trưởng năng suất thấp hơn 3%. Hơn nữa, cạnh tranh đến từ các doanh nghiệp nước ngoài hoặc doanh nghiệp nhà nước trong cùng lĩnh vực có tác động lan tỏa gián tiếp quan trọng đến tăng trưởng của các doanh nghiệp tiên phong trong nước hoặc thuộc sở hữu của khu vực tư nhân.

**Hình O18.** Sự hiện diện lớn hơn của các DNNN trong khu vực ĐÁ-TBD có liên quan đến sự hiện diện lớn hơn và thấp hơn của doanh nghiệp nước ngoài và tăng trưởng năng suất cao hơn ở các doanh nghiệp tiên phong



*Nguồn:* Tính toán của tác giả sử dụng dữ liệu vi mô Cục Thống kê cho Trung Quốc, In-đô-nê-xia và Phi-líp-pin.

*Ghi chú:* Tác động trực tiếp của vốn sở hữu nước ngoài phản ánh sự khác biệt về tăng trưởng TFP hàng năm giữa doanh nghiệp tiên phong có sở hữu nước ngoài và sở hữu trong nước. Doanh nghiệp tiên phong phản ánh 10% doanh nghiệp năng suất cao nhất trong nước và lĩnh vực. Tác động gián tiếp minh họa tăng trưởng TFP hàng năm khác biệt đối với doanh nghiệp tiên phong thuộc sở hữu trong nước trong các ngành có sơ rhuwux nước ngoài trên 10% (tính theo tỷ lệ doanh số trong lĩnh vực thuộc về các doanh nghiệp có sở hữu nước ngoài). Sở hữu nhà nước (DNNN) cũng được xác định tương tự.

### Doanh nghiệp cần có năng lực phù hợp

Tăng trưởng năng suất và áp dụng công nghệ tiên tiến đòi hỏi phải có kỹ năng nâng cao và hạ tầng số chất lượng cao. Mặc dù khả năng truy cập bằng thông rộng di động đã trở nên phổ biến trong khu vực ĐÁ-TBD, nhưng cấp quang tốc độ cao vẫn chưa được bao phủ đồng đều giữa và trong các quốc gia. Một số công nghệ (chẳng hạn thương mại điện tử) chỉ đòi hỏi bằng thông rộng di động cơ bản. Ngược lại, các công nghệ dữ liệu hiện đại (như phân tích dữ liệu hoặc điện toán đám mây) đòi hỏi phải có bằng thông rộng bằng cấp tốc độ cao để gửi và nhận dữ liệu giữa khách hàng / nhà cung cấp / trong nội bộ doanh nghiệp, cũng như phải có sự kết hợp phù hợp giữa kỹ năng số và kỹ năng quản lý nhằm lồng ghép quy trình ra quyết định dựa vào dữ liệu trong các doanh nghiệp.

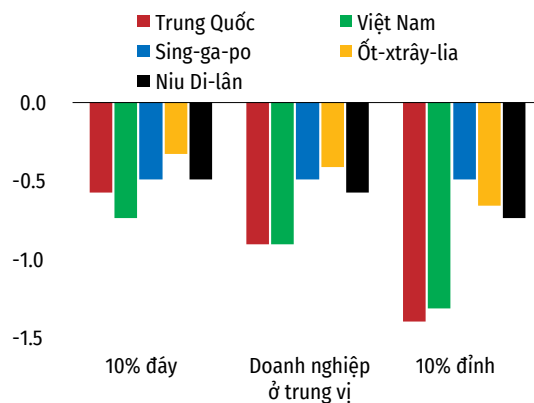
Khả năng tiếp cận kỹ năng và hạ tầng dữ liệu hiện đại ở khu vực ĐÁ-TBD chưa đồng đều. Tại 14 trong số 22 quốc gia thu nhập trung bình, trên một nửa trẻ em 10 tuổi chưa có khả năng đọc và hiểu đoạn viết phù hợp với lứa tuổi. Ngay cả các kỹ năng số cơ bản cũng chưa được phổ cập rộng rãi ở ĐÁ-TBD, khi chưa đến một phần tư người lao động ở Cam-pu-chia, Mông Cổ, Phi-líp-pin, Thái Lan và Việt Nam có khả năng sử dụng chức năng “sao chép và dán” trên tài liệu. Trên 50% các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo tại In-đô-nê-xia, Ma-lay-xia, Miến Điện, Phi-líp-pin, Thái Lan và Việt Nam cho biết thách thức khi tuyển dụng lao động mới là thiếu kỹ năng quản lý và lãnh đạo (Ngân hàng Thế giới 2022, Yêu cầu về Đổi mới sáng tạo tại Đông Á). Các doanh nghiệp trung bình ở cả quốc gia phát triển và đang phát triển tại ĐÁ-TBD nhìn chung chưa được quản lý tốt như doanh nghiệp tại Hoa Kỳ (tham khảo Hình O19). Tuy nhiên, những doanh nghiệp được quản lý tốt nhất ở các quốc gia đang phát triển ĐÁ-TBD vẫn đứng sau các doanh nghiệp được quản lý tốt nhất ở các quốc gia phát triển ĐÁ-TBD và đứng xa sau các doanh nghiệp quản lý tốt nhất ở Hoa Kỳ.

► **Chính sách có thể giúp gì để thúc đẩy tăng trưởng năng suất?**

Mặc dù ta có thể giả định rằng các vấn đề về năng lực thuần túy là vấn đề của các doanh nghiệp tụt hậu, nhưng bằng chứng của chúng tôi ở phần trước cho thấy các doanh nghiệp tiên phong cũng không có đủ năng lực ở một số khía cạnh, như kỹ năng quản lý. Chúng tôi đã chỉ ra những cải cách bổ sung để thúc đẩy cạnh tranh, hạ tầng công nghệ số và kỹ năng, coi đó là những ưu tiên chính sách để khơi dậy tăng trưởng năng suất ở những doanh nghiệp tiên phong.

Cải cách thị trường hàng hóa và dịch vụ có thể thúc đẩy cạnh tranh và đẩy mạnh tăng trưởng năng suất. Mặc dù thị trường hàng hóa ở ĐÁ-TBD đã tương đối mở, nhưng tự do hóa các biện pháp thuế quan còn lại cũng như các biện pháp phi thuế quan (NTM) tương đối thiếu minh bạch có thể là cách để nâng cao cạnh tranh tại từng quốc gia, đồng thời trang bị để các doanh nghiệp cạnh tranh ở nước ngoài. Chẳng hạn, một khảo sát gần đây cho thấy 55% doanh nghiệp xuất khẩu ở ĐÁ-TBD nhìn nhận các biện pháp phi thuế quan (NTM) là gánh nặng gây hạn chế khả năng để họ mở rộng ra các thị trường mới (ITS, 2023). Loại bỏ những hạn chế về gia nhập và hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ cũng đem lại tác động thúc đẩy cạnh tranh (Ngân hàng Thế giới 2023). Chẳng hạn, cải cách lĩnh vực dịch vụ ở Việt Nam sẽ đem lại tác động làm tăng 3% năng suất lao động ở các doanh nghiệp trong cùng các lĩnh vực đó cũng như trong các lĩnh vực chế tạo chế biến cuối nguồn (Hình O20).

**Hình O19. Doanh nghiệp được quản lý tốt nhất tại các nền kinh tế đang phát triển ĐÁ-TBD có kỹ năng thấp hơn nhiều so với doanh nghiệp tốt nhất tại các nền kinh tế phát triển**

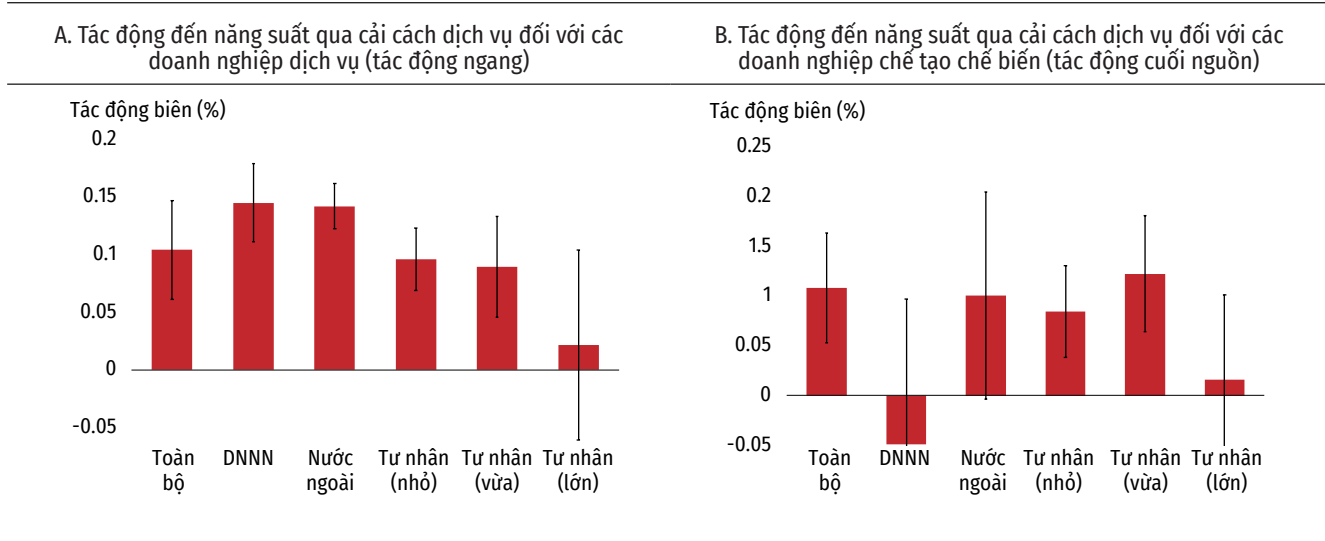


*Nguồn:* Maloney và Sarrias (2017) sử dụng các khảo sát về quản lý trên thế giới.

*Ghi chú:* Biểu đồ minh họa khoảng cách về điểm số quản lý giữa các doanh nghiệp được quản lý tốt nhất ở nhóm 10% hàng đầu tại ĐÁ-TBD so với 10% hàng đầu các doanh nghiệp được quản lý tốt nhất ở Hoa Kỳ. Nhóm 10% đáy và trung vị được xác định tương tự.

Các chính sách nâng cao cạnh tranh có tác động lớn hơn nếu được kết hợp với các chính sách và đầu tư nhằm cải thiện hạ tầng. Bằng chứng ban đầu qua triển khai trực cấp quang chính tại Phi-líp-pin đến 12 tỉnh cho thấy mức độ sử dụng thương mại điện tử gia tăng, nhưng chủ yếu ở các doanh nghiệp có kết nối tốt và những doanh nghiệp trong các lĩnh vực cạnh tranh cao hơn.

**Hình O20. Mở cửa cạnh tranh đối với các lĩnh vực dịch vụ có thể nâng cao năng suất ở các lĩnh vực dịch vụ cũng như các lĩnh vực chế tạo chế biến cuối nguồn**



*Nguồn:* Ước tính của cán bộ Ngân hàng Thế giới dựa trên khảo sát doanh nghiệp tại Việt Nam năm 2008 và 2016.

*Ghi chú:* Kết quả hồi quy OLS. Biến phụ thuộc là thay đổi log giá trị gia tăng trên mỗi lao động từ 2008 đến 2016. Biến lý giải chính là thay đổi về giá trị STRI trong các lĩnh vực thương mại, giao thông, tài chính, hành nghề chuyên môn và viễn thông từ năm 2008 đến năm 2016 tại Hình A, và thay đổi STRI cuối nguồn đối với các lĩnh vực chế tạo chế biến trong Hình B. STRI cuối nguồn là chỉ tiêu cụ thể theo ngành đối với phân loại 2 ký tự cho các lĩnh vực chế tạo chế biến, tính toán bằng lấy bình quân STRI của năm lĩnh vực dịch vụ trên theo trọng số về giá trị mua tương ứng của từng lĩnh vực chế tạo chế biến. Toàn bộ hồi quy được kiểm soát theo số lao động và doanh số ban đầu của các doanh nghiệp. Sai số chuẩn được gộp ở cấp độ lĩnh vực.

Mở cửa cạnh tranh với nước ngoài và tạo điều kiện truy cập cấp bằng thông rộng cho các doanh nghiệp trong nước không những sẽ đẩy mạnh áp dụng công nghệ tại từng doanh nghiệp, mà tác động gộp còn trên cả gấp đôi.

Cải thiện về vốn nhân lực là điều tiên quyết và có ít nhất qua khía cạnh cần quan tâm. Một là phải xử lý nền tảng kỹ năng cơ bản để qua đó hình thành các kỹ năng nâng cao hơn (Ngân hàng Thế giới 2023). Vấn đề được nêu lên là phương pháp giảng dạy và hiểu biết của giáo viên về nội dung giảng dạy. Lợi ích từ thu nhập tính theo lại chiết khấu theo vòng đời từ việc đầu tư đào tạo giáo viên được cho là lớn gấp mười lần so với chi phí bỏ ra.

Hai là từng cá nhân cần được trang bị những kỹ năng để làm việc với công nghệ mới cũng như khả năng đổi mới sáng tạo. Điều này đòi hỏi phải chú trọng đầu tư cho giáo dục sau phổ thông để phát triển các kỹ năng thông minh cảm xúc - xã hội, kỹ thuật và kỹ năng nhận thức nâng cao. Để thu hẹp khoảng cách, sinh viên cần được tiếp xúc với các nhiệm vụ khác nhau, từ công xưởng cho đến các bộ phận nghiên cứu & phát triển. Kết nối giữa các viện nghiên cứu và doanh nghiệp cần được tăng cường, bao gồm thông qua cơ chế khuyến khích phối hợp giữa viện nghiên cứu - doanh nghiệp.

Ba là cần nâng cao năng lực của cán bộ quản lý hiện có trong lực lượng lao động. Khác biệt về chất lượng quản lý là yếu tố quan trọng tạo nên sự khác biệt về năng suất giữa các quốc gia. Nghiên cứu gần đây cho thấy chất lượng quản lý có thể được cải thiện. Ví dụ, các doanh nghiệp được hỗ trợ tư vấn về quản lý tại Cô-lôm-bia có khả năng cải thiện các biện pháp quản lý của họ và tăng cường sử dụng lao động (Lacovone và đồng sự, 2022). Tư vấn sâu và tốn kém cho từng doanh nghiệp và tư vấn theo nhóm nhỏ các doanh nghiệp đã đem lại cải thiện về các biện pháp quản lý với quy mô tương đương (8-10 điểm phần trăm) về doanh số, lợi nhuận và năng suất lao động của doanh nghiệp. Một số hoạt động hỗ trợ có mục tiêu có thể đem lại hiệu quả đặc biệt khi kết hợp với nâng cao cạnh tranh, qua đó khuyến khích các cán bộ quản lý phải nâng cấp kỹ năng của họ (McKenzie, 2023).



